



Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội:
Nghiên cứu Chính sách và Quản lý

Website: <https://js.vnu.edu.vn/PaM>



Chính sách *Sự đại* – Sự phản ánh hiểu biết của Triều Tiên về quan hệ Minh-Đại Việt đầu thế kỷ XV

Nguyễn Nhật Linh*

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 20 tháng 06 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 22 tháng 06 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 06 năm 2018

Tóm tắt: Trong những năm đầu thế kỷ XV, việc triều Minh mở rộng ảnh hưởng xuống phía Nam, đặc biệt là với cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt, đã đặt các quốc gia khác ở Đông Á trước những nguy cơ tương tự. Trong bối cảnh ấy, dựa trên những kinh nghiệm và hiểu biết về quan hệ Minh – Đại Việt đầu thế kỷ XV, Triều Tiên đã xây dựng, hoàn thiện và thực thi chính sách *Sự đại* trong ngoại giao với nhà Minh. Sự thực thi chính sách này, nỗ lực của Triều Tiên trong việc thần phục, duy trì quan hệ ổn định với triều Minh và nhấn mạnh tính chính thống dòng họ Lý ở Triều Tiên đã cho thấy sự ứng đối của họ trước những sự biến trong quan hệ Minh – Đại Việt. Chính sách *Sự đại*, với tư cách là sách lược tồn tại của Triều Tiên, đã là sự phản ánh những ảnh hưởng và dấu ấn của quan hệ Minh-Đại Việt trong lịch sử Đông Á đầu thế kỷ XV.

Từ khóa: Chính sách *Sự đại*, quan hệ Minh – Đại Việt, Triều Tiên, ngoại giao, Đông Á.

Trong lịch sử Triều Tiên những năm đầu thế kỷ XV, *Sự đại* – *Giao lân* đã là chính sách ngoại giao chủ yếu giúp vương triều Lý (Yi) duy trì sự tồn tại mình trong những biến động chính trị lớn của Đông Á bấy giờ. Hệ thống đường lối ngoại giao ấy của Triều Tiên trong thời điểm này bao gồm hai mặt là: *Sự đại* – sự phục tùng nước lớn, là khuynh hướng chủ đạo trong quan hệ của Triều Tiên với nhà Minh, được duy trì bằng quan hệ sách phong – triều cống, các hoạt động sứ giả, thăm hỏi, chúc mừng... một cách thường xuyên giữa hai nước;

và *Giao lân* – sự bang giao với xung quanh, là khuynh hướng ngoại giao của Triều Tiên với các nước và các dân tộc láng giềng khác.

Trong hai phương diện chủ yếu của chính sách ngoại giao như vậy, sự xây dựng và thực thi chính sách *Sự đại* của Triều Tiên trong quan hệ với triều Minh những năm đầu thế kỷ XV cho thấy sự chủ động và nhận thức rõ rệt của vương triều Triều Tiên (Joseon) về những sự biến lớn trong bang giao của triều Minh với các nước Đông Á, đặc biệt là đối với Đại Việt. Trong một cuộc đàm luận của triều đình Triều Tiên về chính sách ngoại giao và quốc phòng, vua Triều Tiên Thái Tông Yi Pang-Won đã nói rất rõ:

* ĐT.: 84-918102198.

Email: linhussh@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4143>

“Quốc vương An Nam đã tới, tôn kính bầm cáo với Hoàng đế, nhưng Hoàng đế vẫn có những hành động đó. Nếu Hoàng đế hài lòng, đó là điều tốt; nhưng nếu chúng ta bất cẩn trong lễ nghi của *Sự đại*, chắc hẳn Hoàng đế lại dấy binh chinh phạt” [1].

Nhận định này của vua Triều Tiên Thái Tông đã tiết lộ hai thông tin quan trọng: một là, Triều Tiên đã nắm được những thông tin về quan hệ ngoại giao Minh – Đại Việt trong những năm đầu thế kỷ XV; hai là, những hiểu biết đó của Triều Tiên đã góp phần trở thành nền tảng cho chính sách *Sự đại* trong quan hệ ngoại giao của Triều Tiên với nhà Minh. Chính sách *Sự đại* và hững hiểu biết đó của Triều Tiên đã có tác dụng không nhỏ trong việc đảm bảo nền độc lập và hòa bình của Triều Tiên trong bối cảnh hết sức phức tạp của Đông Á đầu thế kỷ XV. Những nền tảng và nội dung của chính sách *Sự đại* đã là sự phản ánh những nhận thức của Triều Tiên về những sự biến trong quan hệ ngoại giao Minh – Đại Việt và cả cuộc chiến tranh xâm lược trong những năm 1406-1407 mà triều Minh đã tiến hành ở Đại Việt.

1. Nền tảng của chính sách *Sự đại*

Chính sách *Sự đại* được xây dựng trước hết trên sự độc lập của nước Triều Tiên. Trong lịch sử vương triều Cao Ly (Goryeo), nửa cuối thế kỷ XIII và nửa đầu thế kỷ XIV là thời kỳ Cao Ly phụ thuộc và chịu sự can thiệp nặng nề của người Mông Cổ cả về chính trị, quân sự và ngoại giao¹. Đến nửa sau thế kỷ XIV, khi vương triều Minh thành lập (năm 1368), vương triều Cao Ly cũng ngày càng thoát khỏi sự lệ thuộc và dần xóa bỏ những ảnh hưởng của Mông Cổ. Nhờ đó, đến cuối thế kỷ XIV, đầu

¹ Về chính trị, Cao Ly buộc phải phục tùng Mông Cổ. Sau khi vương triều Nguyên thành lập, Cao Ly phải xưng thần, trở thành chư hầu của nhà Nguyên, chịu can thiệp và chi phối nặng nề của nhà Nguyên. Các hoàng tử của Cao Ly phải làm con tin ở Bắc Kinh cho tới khi kế vị, thậm chí trong một số trường hợp, ngay cả khi họ lên ngôi, họ vẫn bị giữ lại ở triều Nguyên. Các vua Cao Ly buộc phải kết hôn với con gái của vua Nguyên, trở thành con rể của nhà Nguyên. Triều Nguyên thậm chí còn có phế truất vua Cao Ly hay chỉ định người kế vị Cao Ly.

thế kỷ XV, Triều Tiên về căn bản đã xây dựng được sự độc lập và tự chủ trong quan hệ ngoại giao, đồng thời, chấm dứt tình trạng căng thẳng trong quan hệ của Triều Tiên với Nhật Bản². Bối cảnh đó của Triều Tiên vào cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV cho phép họ xây dựng một hệ thống đối ngoại dựa trên và với mục đích bảo vệ nền độc lập của mình.

Chính vì lý do đó, khuynh hướng thân Minh trong lịch sử Cao Ly cuối thế kỷ XIV và Triều Tiên đầu thế kỷ XV cũng góp phần tạo ra chính sách *Sự đại*. Sau khi triều Minh thành lập vào năm 1368, vua Gongmin đã tuyên bố Cao Ly không còn lệ thuộc Mông Cổ, đề ra chính sách thân Minh, và tiến hành nhiều cuộc cải cách để xóa bỏ những ảnh hưởng và tàn dư của Mông Cổ [2]. Đây cũng là thời gian đánh dấu sự chuyển biến ngày càng mạnh mẽ của thế lực dòng họ Lý (Yi), nền tảng của sự thành lập vương triều Triều Tiên. Điều đáng chú ý là khuynh hướng thân Minh đó không những không gây nên những can thiệp và lệ thuộc của Triều Tiên vào nhà Minh mà còn là chỗ dựa quan trọng cho cuộc đấu tranh giành vương quyền của dòng họ Lý vào cuối thế kỷ XIV³. Những điều ấy đã khiến cho việc xây dựng và thực thi chính sách *Sự đại* là một biện pháp cần thiết để tăng thêm sự ổn định, tính chính thống và

² Trước đây, quan hệ giữa triều Nguyên với Nhật Bản một phần thông qua trung gian là Cao Ly. Triều Nguyên thậm chí đã buộc Cao Ly phải tham gia vào hai cuộc tấn công xâm lược Nhật Bản (năm 1274 và 1281). Hai cuộc chiến tranh thất bại càng làm suy giảm thực lực của Cao Ly. Cao Ly gần như mất đi quyền tự chủ.

³ Năm 1359, Yi Ja-chun (1315 – 1361), một thiên hộ trưởng ở châu Ssangseong - vùng đất của Cao Ly do người Mông Cổ nắm giữ và thông trị - đã dùng quân đội dưới quyền mình chống lại nhà Nguyên, đánh bại quân Mông Cổ ở Ssangseong. Sự kiện này có ý nghĩa to lớn với quá trình Cao Ly kháng chiến chống Nguyên nói riêng và với lịch sử Triều Tiên nói chung. Khi Yi Ja-chun đưa Ssangseong trở lại thành một bộ phận của Cao Ly, ông được vua Gongmin ban tước và phong là vạn hộ trưởng (người cai quản, ăn lộc vạn hộ). Đây là sự khởi đầu của thế lực dòng họ Yi (Lý) trong lịch sử Triều Tiên. Con trai Yi Ja-chun là Yi Seong-Gye (Lý Thành Quế) đã nhân sự suy yếu của Cao Ly, xây dựng vương triều Triều Tiên từ năm 1392.

gây dựng chỗ dựa về chính trị, ngoại giao cho Triều Tiên.

Nhiều quan điểm cho rằng chính sách *Sự đại* của Triều Tiên trong thế kỷ XV còn dựa trên những ảnh hưởng của văn hóa, đặc biệt là tư tưởng của Trung Quốc đối với Triều Tiên. Theo đó, những tư tưởng của người Trung Quốc về trật tự và tôn ti của *Thiên hạ* đã gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đối với chính sách *Sự đại*. Hệ thống trật tự và tôn ti ấy của người Trung Quốc quy định mối quan hệ giữa triều đình Trung Hoa với các nước láng giềng, trong đó “Thiên tử” Trung Quốc giữ địa vị cao nhất; và các dân tộc và quốc gia xung quanh ở những thứ bậc khác nhau trong bang giao với họ [3]. Chính sách *Sự đại* của Triều Tiên trong khoảng đầu thế kỷ XV, ít nhất về mặt hình thức, chấp nhận trật tự như vậy và địa vị thần phục triều Minh để giành sự ổn định về chính trị và quân sự.

Một trong nguyên nhân quan trọng khiến Triều Tiên phải kiên trì chính sách *Sự đại* trong khoảng cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV là do sự non trẻ của Triều Tiên. Nhân sự suy yếu của vương triều Cao Ly, tướng quân Yi Seong-Gye đã dần dần chiếm lĩnh quyền lực quân sự và chính trị trong nước, trên cơ sở đó, thành lập vương triều Triều Tiên từ năm 1392. Điều này đã gây ra những trục trặc nhất định trong quan hệ giữa triều Minh với Triều Tiên. Trong thời gian đầu, triều Minh không công nhận sự chính thống của Triều Tiên, không sách phong quốc vương mà chỉ coi họ Lý là người nắm quyền ở Triều Tiên.

Chính vì lý do đó, lịch sử Triều Tiên và Đại Việt trong khoảng cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV chia sẻ nhiều đặc điểm tương đồng, đặc biệt là trong quan hệ ngoại giao của hai nước này với nhà Minh. Từ giữa thế kỷ XIV, Triều Tiên và Đại Việt là hai trong số các quốc gia thiết lập quan hệ triều cống sớm nhất với triều Minh. Tới đầu thế kỷ XV, những vương triều mới ở cả hai quốc gia cùng hưng khởi và thi hành những chính sách cải cách đất nước⁴. Dù vậy, cuộc

chiến tranh xâm lược của triều Minh ở Đại Việt năm 1406-1407 đã khiến lịch sử Đại Việt và Triều Tiên chuyển biến theo những cục diện toàn toàn khác biệt. Trong khi ngoại giao Minh – Triều về cơ bản vẫn được duy trì ổn định, thì mối quan hệ triều cống Đại Việt với Trung Hoa đột ngột chuyển biến thành sự xâm lược và thống trị của triều Minh. Điều ấy đã khiến cho những kinh nghiệm của Đại Việt trong quan hệ với triều Minh, và cả bài học kinh nghiệm trong thất bại của triều Hồ trong đấu tranh ngoại giao và quân sự cũng đã có những ảnh hưởng nhất định tới việc Triều Tiên xây dựng và chính sách đối ngoại với mục đích cuối cùng là giữ ổn định quan hệ với nhà Minh và chuẩn bị tiềm lực quân sự để đề phòng nguy cơ của một cuộc chiến tranh.

2. Chính sách *Sự đại* của Triều Tiên trước sự biến trong quan hệ Minh – Đại Việt

Việc khảo sát về chính sách *Sự đại* và các hoạt động ngoại giao của Triều Tiên những năm đầu thế kỷ XV cho thấy rằng, hai nội dung nổi bật trong những nỗ lực của Triều Tiên là: 1 - Khẳng định sự thần phục và vị trí chư hầu của mình với triều Minh, kiên trì các hoạt động triều cống; và 2- Chứng minh, nhấn mạnh và củng cố vững chắc tính chính thống của vương triều Lý ở Triều Tiên. Việc đối chiếu những nội dung dưới đây của chính sách *Sự đại* với các hoạt động sứ giả của Triều Tiên và Đại Việt ở triều Minh đã tiết lộ những mối liên quan nhất định giữa những chuyển biến trong quan hệ Minh – Đại Việt với những ứng đối của Triều Tiên thời gian này.

Triều Tiên thể hiện sự thần phục nhà Minh

Trong thái độ của triều Minh với Đại Việt, việc “An Nam bất thuận” được coi là một nguyên cơ cho việc Vĩnh Lạc dấy binh chinh phạt. Điều này thể hiện rõ trong các chiếu dụ của triều Minh, đặc biệt là ở chiếu thư bố cáo việc “Bình định An Nam” vào năm 1407. Do vậy, một nội dung xuyên suốt trong lịch sử

⁴ Yi Seong Gye từng là tướng quân dưới triều Cao Ly, còn Hồ Quý Ly là đại thần triều Trần. Cả hai đều dùng quyền

lực và sức mạnh trở thành người đứng đầu quốc gia, thành lập vương triều mới.

ngoại giao và chính sách *Sự đại* của Triều Tiên với triều Minh là việc Triều Tiên thể hiện địa vị “chư hầu” và thần thuộc của mình và thực thi một cách chặt chẽ các lễ nghi của triều cống.

Từ năm 1403, việc Vĩnh Lạc lên ngôi ở triều Minh đã dẫn đến sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của vương triều này. Điều này đặt cả hai quốc gia Đại Việt và Triều Tiên trước những thách thức để xây dựng mối quan hệ ổn định với nhà Minh. Năm 1392, Yi-Seong-Gye sau khi xây dựng vương triều Triều Tiên và sau đó đã nhanh chóng cử sứ giả sang Minh xin sách phong. Năm 1393 sứ giả của Yi-Seong-Gye tới triều Minh thông báo sự thay đổi vương triều, và xin đổi quốc hiệu thành Triều Tiên (Joseon), nhưng đã không nhận được sách phong từ Hồng Vũ [4]. Sau gần 10 năm, đến tháng 2 và 3 năm 1401, Hồng Vũ mới gửi tới Triều Tiên một chiếu thư, trong đó khen ngợi họ Lý có công lao trong việc cai trị đất nước, tiêu trừ nội loạn, nhưng vẫn chỉ công nhận họ Lý là người đứng đầu Triều Tiên với tước vị “Quyền tri quốc sự”. Đến tận tháng 6 năm 1401, Triều Minh mới chính thức phong tước hiệu “Triều Tiên Quốc vương cho Yi-Pang-Won (vua Triều Tiên Thái Tông). Đến thời Vĩnh Lạc, Yi-Pang-Won tiếp tục phải nhiều lần cử sứ giả tới Nam Kinh giải thích về tiểu sử, dòng dõi và tính chính thống của ông với vua Minh. Ở Đại Việt, sau khi vương triều Hồ được thành lập, nhà Hồ đã có nhiều nỗ lực để thiết lập quan hệ ngoại giao với triều Minh. Sứ giả của triều Hồ đã được cử tới Nam Kinh vào ngày đến ngày 3 tháng 4 năm 1403 cống nạp Trung Hoa, tâu rằng dòng dõi họ Trần đã đứt mạch, trong nước Hồ Đê⁵ đứng ra thay mặt triều đình giữ chức “An Nam quyền lý quốc sự”, cai quản mọi việc trong nước, và thỉnh triều Minh ban sách phong cho Hồ Hán Thương làm “An Nam quốc vương” [5]. Những nỗ lực xin sách phong đó kéo dài tới tận đầu năm 1404. Chỉ sau khi cử sứ giả sang Đại Việt để “điều tra” về những bầm tấu của họ Hồ, ngày 6 tháng 1 năm 1404, Vĩnh Lạc cử sứ giả mang chiếu sách phong sang An Nam, phong Hồ Hán Thương làm An Nam Quốc vương.

⁵ Hồ Đê: tên mà Hồ Hán Thương tự xưng với triều Minh.

Trong nhiều sự kiện ngoại giao của nhà Hồ với triều Minh từ năm 1403 đến năm 1406, các phái đoàn sứ giả của Triều Tiên đều có mặt. Những điều này cho phép triều đình Triều Tiên nắm được những thông tin và hiểu biết nhất định về quá trình thiết lập quan hệ ngoại giao của triều Hồ với nhà Minh, và cả những điểm tương đồng giữa Đại Việt với Triều Tiên thời gian này. Chẳng hạn, vào tháng 4 năm 1403, khi triều Hồ cho người sang cống nạp và xin sách phong của triều Minh, đoàn sứ giả Triều Tiên, đứng đầu là chính sứ Yi-Kuy-Ryeong cũng tới Nam Kinh, diện kiến vua Minh, triều cống sớ vật địa phương và dâng biểu chúc mừng⁶. Sứ giả Yi-Kuy-Ryeong và đoàn sứ giả Triều Tiên rất có thể đã được chứng kiến các hoạt động của sứ giả Đại Việt và những nỗ lực xin sách phong của Đại Việt bấy giờ⁷. Năm 1404, việc triều Minh sách phong cho họ Hồ có thể cũng đã được biết bởi đoàn sứ giả Triều Tiên, dẫn đầu bởi chính sứ Yi-Pin đến triều Minh để dâng tấu tạ ân, giải thích và biện minh cho lòng trung thành và tiểu sử, tông hệ của Thái Tông Yi-Pang-Won ngay từ thời vương triều Cao Ly⁸. Những hoạt động này của sứ giả Triều Tiên có thể được xem là nỗ lực xây dựng vững chắc hơn vị trí quốc vương của dòng họ Lý, đã được vua Minh trực tiếp sách phong cho vua Triều Tiên Thái Tông. Những sứ giả Triều Tiên cũng có thể đã được chứng kiến những nỗ lực tương tự của sứ đoàn Đại Việt. Trong lần này, cả họ Hồ ở Đại Việt và họ Lý ở triều Tiên đều đạt nhận được sách phong “quốc vương” từ

⁶ Yi Kuy Ryeong là Phán cung an phủ sự của Triều Tiên, tới Nam Kinh từ ngày 26 tháng 1 năm 1403. Ông đã trở lại Triều Tiên, mang theo chiếu thư của vua Minh gửi vua Thái Tông vào tháng 6 năm đó (*Triều Tiên Thái Tông thực lục*, 1:256 và 268). Đến năm 1407, Yi-Kuy-Ryeong, lúc này là Tham tán nghị chính phủ sự, lại giữ chức chính sứ, được cử tới Trung Quốc một lần nữa. *Triều Tiên Thái Tông thực lục*, 1:397.

⁷ *Minh Thái tông thực lục*, trong: *Minh thực lục*, Viện nghiên cứu trung ương Lịch sử và ngôn ngữ trung ương, Đài Bắc, 1966 (明實錄, 中央研究院歷史語言研究所校印, 臺北, 1966), 19:1a.

⁸ Chính sứ Yi-Pin và phó sứ Min-Mu-Hyul của Triều Tiên được cử tới Nam Kinh từ giữa tháng 11 năm 1403. *Triều Tiên Thái Tông thực lục*, 6:25a-26a.

Vĩnh Lạc [1, 7:11a-b]. Cuối năm 1404, sứ giả Triều Tiên có thể đã chứng kiến sự thay đổi thái độ của triều Minh với vương triều Hồ⁹. Khoảng thời gian này, chính sứ Yi-Nae của Triều Tiên đã tới Nam Kinh xin sách phong của triều Minh cho thái tử của Triều Tiên¹⁰ và được gọi đến diện kiến, thực hiện các nghi lễ và triều cống lên Vĩnh Lạc¹¹. *Minh thực lục* đã chép về một sự kiện quan trọng liên quan đến các sứ đoàn Đại Việt trong buổi lễ này: Vĩnh Lạc cho gọi Trần Thiêm Bình tới diện kiến và gặp các sứ giả Đại Việt, khiến các sứ giả nhận ra “người cháu trai của tiên vương” và hết sức sững sốt, xúc động và bối rối cúi đầu khóc lóc. Việc tham dự trong cùng những nghi lễ đó tại Nam Kinh chính là cơ hội cho những sứ giả Triều Tiên trực tiếp biết đến thái độ của triều Minh đối với vấn đề vương vị tại Đại Việt.

Minh chứng rõ rệt nhất cho thấy sự phản ánh của quan hệ quan hệ Minh – Đại Việt trong chính sách *Sự đại* là lời nhận định của vua Triều Tiên Thái Tông vào năm 1407, sau khi triều Minh tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược ở Đại Việt. Ngày 8 tháng 4 năm 1407 ở tại tiền điện triều đình Triều Tiên, trong cuộc đàm luận về chính sách quốc phòng, ông đã nói: “*Nghe rằng Hoàng đế chinh phạt An Nam, người An*

Nam thúc thủ, chết không có ai đối địch” [1, 13:16b-17a]. Sau khi đề cập tới sự thất bại của họ Hồ trong ngoại giao với triều Minh, Triều Tiên Thái Tông đã ngay lập tức cảnh báo về nguy cơ Triều Tiên cũng có thể rơi vào nguy cơ bị xâm lược như trường hợp của Đại Việt. 10 ngày sau cuộc đàm luận ấy, một cuộc khảo thí văn quan của triều đình càng cho thấy Triều Tiên đã không phải ngẫu nhiên đề cập tới Đại Việt trong cuộc đàm luận trước đó. Cuộc khảo thí có nội dung thi Luận và Biểu, trong đó, đề thi Biểu được chọn là “Hạ bình An Nam” (mừng việc bình định An Nam) [1, 13:27b-28a]. Kỳ khảo thí văn quan vào ngày 18 tháng 4 có thể là kết quả của cuộc đàm luận về quốc phòng 10 ngày trước. Đáng chú ý là, chỉ đến ngày 1 tháng 5 năm 1407, chiếu thư của triều Minh bố cáo thiên hạ về sự “chinh phạt An Nam” mới được đưa tới được triều đình Triều Tiên. Như vậy, trước cả khi nhận được thông tin từ triều Minh, Triều Tiên đã được biết hay tự mình thu thập được thông tin về cuộc chiến tranh xâm lược của triều Minh và Đại Việt và có chuẩn bị cả về ngoại giao và quân sự cho mỗi những diễn biến tiếp theo trong quan hệ với triều Minh. Sự thất bại của Đại Việt trong quan hệ ngoại giao và đấu tranh quân sự chống Trung Hoa có thể đã là những kinh nghiệm quan trọng đối với Triều Tiên.

Giải pháp của Triều Tiên là tiếp tục kiên định và nghiêm cần thực hiện những lễ nghi của *Sự đại* [1, 13:16b-17a]. Những chuẩn bị nói trên đã tạo điều kiện cho sự hồi đáp nhanh chóng của Triều Tiên cho triều Minh chỉ trong vòng chưa tới 10 ngày khi chiếu thư của vua Minh được gửi tới. Ngày 9 tháng 5 năm 1407, Ham Pu-Rim được cử làm chính sứ tới Nam Kinh chúc mừng việc triều Minh “bình định An Nam” và trở về vào tháng 9, thông báo việc biểu mừng của Triều Tiên đã được dâng lên Vĩnh Lạc và thuật lại: “Hoàng đế đáp lại rằng, An Nam bất thuận, còn quân của Hoàng đế thì trượng nghĩa”. Như vậy, đã có những trao đổi giữa Vĩnh Lạc với sứ giả Triều Tiên mà trong đó triều Minh cảnh báo sự bất thuận của An Nam đã khiến triều Minh dấy binh [1, 14:24b].

⁹ Tháng 8 năm 1404, Trần Thiêm Bình đến triều đình Minh, tự nhận mình là con cháu của vua Trần Nghệ Tông, tố cáo họ Hồ giết vua, thoán đoạt ngôi vương ở An Nam, thỉnh cầu vua Minh dùng quân đội của mình chinh phạt họ Hồ, lập lại ngôi vị cho dòng họ Trần. *Đại Việt Sử ký Toàn thư* chép nhân vật này tự xưng là Trần Thiêm Bình, còn *Minh thực lục* lại chép nhân danh đó là Trần Thiêm Bình. *Minh Thái Tông thực lục*, 33:10b-11b.

¹⁰ *Minh thực lục* chép chính sứ Triều Tiên tới Nam Kinh xin sách phong thái tử là Lý Lỗi. Trong *Triều Tiên thực lục* lại không có nhân vật Lý Lỗi, trong khi người được Triều Tiên Thế Tông sai sứ được chép là Lý Lai (Yi-Nae). Đôi chiếu đó cho thấy tên nhân vật này được chép khác nhau trong 2 tài liệu. *Minh Thái Tông thực lục*, 37:2b-3a; *Triều Tiên Thái Tông thực lục*, 8:12b; *Hàn Quốc Hán văn Yên hành lục văn hiến tuyển biên*, 2010 (韓國漢文燕行錄文獻選編, 復旦大學出版社, 上海, 2010), quyển 13, tr. 3.

¹¹ *Minh Thái Tông thực lục*, 37:3a.

Triều Tiên nhấn mạnh tính chính thống của vương triều

Ngoài những nỗ lực của Triều Tiên trong giữ ổn định địa vị chư hầu, vì tính chính thống của vương vị nguyên có cho cuộc chinh phạt Đại Việt của triều Minh, vua Triều Tiên Thái Tông đã thực hiện hàng loạt các hoạt động để khẳng định tính chính thống vương vị của họ Lý. Những ghi chép trong thời Vĩnh Lạc cho thấy, từ năm 1404 các phái đoàn của triều Tiên đã thường xuyên nhấn mạnh nguồn gốc và vai trò của vương triều Triều Tiên với nhà Minh.

Một minh chứng rõ ràng cho mục đích ấy của Triều Tiên là sứ đoàn của thái tử Triều Tiên sang Nam Kinh vào năm 1407. Chỉ một ngày sau khi sứ giả Ham-Pu-Rim trở về, Triều Tiên tổ chức một buổi tiệc ủy ông với sự tham gia của nhiều quan lại từng là sứ giả và đã từng được cử đến nhà Minh. Trong sự kiện này, hai vị vương tử của Triều Tiên cũng có mặt khi Thái Tông cùng bàn luận với Ham-Pu-Rim về ngoại giao Minh-Triều [1,14:24b]. Chúng tôi cho rằng, buổi gặp nói trên với những sứ giả vừa trở về từ Nam Kinh đã là sự chuẩn bị kỹ càng của Triều Tiên cho phái đoàn tiếp theo được cử sang Nam Kinh với sự tham gia của Thái tử của Triều Tiên. Do vậy chỉ nửa tháng sau, Thái tử Yi-Je (1394-1462)¹² được cử làm chính sứ tới triều Minh để tiến hành nghi lễ chúc mừng trong tháng đầu tiên của năm mới [1, 4:29a-30a]. Ông là thái tử Triều Tiên đã được nhận được sách phong của Vĩnh Lạc vào năm 1404. Việc Yi-Je được cử làm sứ giả là một cách thức để Triều Tiên nhắc lại và nhấn mạnh sách phong của triều Minh dành cho ông. Nhờ đó, đến cuối năm 1407, đầu năm 1408, Triều Tiên lại đạt được thêm một sự đảm bảo khi thái tử Yi-Je trở về, và nhận được sách phong là Triều Tiên Phụ Đức thái tử từ triều Minh.

Cần phải nói thêm, Triều Tiên đã chủ động tận dụng những kinh nghiệm của mình về sự

thất bại của vương triều Hồ trong đấu tranh ngoại giao. Trong phái đoàn của thái tử Yi-Je (chính sứ trực tiếp tiến biểu tới Hoàng đế), Triều Tiên Thái Tông đã phong Yi-Nae làm phó sứ và trực tiếp chỉ định cho ông việc tiết xưng danh vị của Yi-Je là thái tử Phụ Đức với vương triều Minh. Yi-Nae đã từng là chính sứ trong sứ đoàn chịu trách nhiệm xin sách phong thái tử năm 1404, và đã chứng kiến biến liên quan đến tranh chấp và tính chính thống của vương vị của Đại Việt tron cuộc gặp gỡ của sứ giả Đại Việt với Trần Thiêm Bình ở Nam Kinh. Những kinh nghiệm đó của ông có thể là một lợi thế trong nhiệm vụ nhấn mạnh sự chính thống của họ Lý của đoàn sứ Triều Tiên.

Việc thái tử Yi-Je trực tiếp làm chánh sứ tới triều Minh đã thể hiện rõ sự nhận thức rõ của Triều Tiên về tầm quan trọng của sự nhấn mạnh tính chính thống và hợp pháp của vương triều với nhà Minh. Biểu hiện ấy của chính sách *Sự đại* được nhiều nghiên cứu giải thích là vì, các quốc gia láng giềng sẽ không thể có được vị thế vững chắc và ổn định về chính trị và ngoại giao với Trung Quốc khi người đứng đầu quốc gia đó không duy trì được quan hệ hữu hảo với Trung Hoa [6].

Những nỗ lực đó trong việc thực thi chính sách *Sự đại* đã mang lại những thành tựu về ngoại giao cho Triều Tiên. Hai trong số những thành tựu ấy là việc Triều Tiên Thái Tông Yi Pang-won và thái tử Yi-Je nhận được sách phong từ Vĩnh Lạc của triều Minh. Đó chính là sự đảm bảo tương đối cho mỗi quan hệ ngoại giao hòa bình giữa Triều Tiên với nhà Minh và cho nền độc lập của Triều Tiên.

3. Một số nhận xét

Như vậy, trong những năm đầu thế kỷ XV, việc xây dựng và thực thi chính sách *Sự đại* đã là một nền tảng quan trọng giúp Triều Tiên duy trì, củng cố và giữ ổn định tính chính thống của họ Lý trong quan hệ ngoại giao với nhà Minh và tránh khỏi những xung đột chính trị, quân sự. Đường lối ngoại giao ấy không chỉ được xây dựng dựa trên những tiền đề về chính trị và

¹² Yi-Je là con trai trưởng của Triều Tiên Thái Tông. Ông đã được phong làm thái tử vào năm 1404. Sau này, do ông cùng hoàng tử thứ 2 Yi-Bo thực hiện những hành động xấu tại triều đình Triều Tiên, ngôi vị thái tử của ông đã bị tước bỏ.

quân sự của Triều Tiên cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV, những tư tưởng, trật tự và khuôn mẫu Trung Hoa. Những hiểu biết của Triều Tiên về bối cảnh lịch sử của Đông Á và Đông Nam Á trong những năm đầu thế kỷ XV nói chung, những biến động trong quan hệ Minh – Đại Việt và cuộc chiến tranh xâm lược của triều Minh ở Đại Việt nói riêng đã là nền tảng quan trọng giúp Triều Tiên xây dựng và thực hành chính sách này.

Tâm gương và bài học kinh nghiệm từ trường hợp Đại Việt, sự thất bại của vương triều Hồ trong cuộc đấu tranh ngoại giao và chính trị đã là những có ý nghĩa quan trọng với Triều Tiên trong việc xây dựng và hoàn thiện chính sách *Sadae* trong những năm đầu thế kỷ XV.

Trọng tâm chủ yếu của chính sách này là dựa trên việc dùng quan hệ triều cống, sách phong, khẳng định sự thần phục để ổn định quan hệ và khẳng định tính chính thống của vương triều để triệt tiêu những nguy cơ chiến tranh. Quá trình Triều Tiên thực thi những trọng tâm đó và sự phản ứng của Triều Tiên trước những sự biến trong quan hệ Minh – Đại Việt chính là minh chứng rõ rệt cho thấy dấu ấn của tri thức và hiểu biết của họ về kinh nghiệm và bài học từ quá trình đấu tranh ngoại giao và quân sự của triều Hồ với nhà Minh.

Chính sách *Sadae* cũng đã giúp Triều Tiên duy trì mối quan hệ thường xuyên, tương đối hòa bình và ổn định với nhà Minh. Sự chuẩn bị và ứng phó của Triều Tiên, nỗ lực trong việc thực thi chính sách *Sadae* cùng hàng loạt những các ngoại giao thận trọng, mềm dẻo đã là cơ sở để Triều Tiên duy trì được nền độc lập trong bối cảnh Đông Á đầu thế kỷ XV và những thế kỷ tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

- [1] Triều Tiên Thái tông thực lục, Quốc sử biên toàn ủy viên hội (朝鮮太宗實錄 國史編纂委員會), Seoul, 1973, 13:16b-17a.
- [2] Nguyễn Văn Ánh – Đỗ Đình Hằng – Lê Đình Chinh, Hàn Quốc, lịch sử - Văn hóa, Nxb Văn hóa, 1996, tr. 156-159 & 169-172.
- [3] Li Zhaojie, “Traditional Chinese World Order”, Chinese Journal of International Law 1, 22, 2002, tr. 20-58
- [4] Park Won Hok, Nghiên cứu quan hệ Minh sơ kỳ và Triều Tiên, Il Jeo Kak, 2002, pp.6-8 (朴元焄, 明初朝鮮關係史研究, 一潮閣, 2002).
- [5] Minh thực lục, Quan hệ Trung Quốc-Việt Nam thế kỷ XIV- XVII, Tập 1, Hồ Bạch Thảo dịch và chú thích, NXB Hà Nội, 2010, tr.198.
- [6] Wang Gungwu, China and the Chinese overseas, The Academic Press, 1991, p. 40.

Sadae Policy – A Reflection of Joseon’s Understanding of Ming–Đại Việt Relation in the Early 15th Century

Nguyen Nhat Linh

VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

Abstract: In the early 15th century, the Ming Dynasty’s expansion to the South, especially with its invasion of Đại Việt, caused danger to other nations in East Asia. In this situation, Joseon used the knowledge of the Ming - Đại Việt relation to construct and implement the Sadae policy in their relation with China. Joseon’s efforts in maintaining the stable relationship with the Ming Dynasty by expressing both its submission and legitimacy, revealed Joseon’s reaction toward the changes in the Ming – Đại Việt relation. As Joseon’s strategies to maintain the independence, Sadae policy reflected the impacts of the Ming – Đại Việt relation in the East Asia history in the early 15th century.

Keywords: Sadae policy, Ming – Đại Việt relation, diplomatics, East Asia.